

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2023

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đặng Xuân Bộ**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hồng Hải**

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Như Quỳnh**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Nhân Đạo** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2023. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2023/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Kim H**, sinh năm: 1987. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 1, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

* Bị đơn: Anh **Phan Văn D**, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 1, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Đinh Thị Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phan Văn D ngày 18/01/2009, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống với bố mẹ chồng, tình cảm thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017 vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Từ năm 2017 anh chị đã sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh D.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Thanh H1, sinh ngày: 02/01/2011 và cháu Phan Tiến H2, sinh ngày 01/11/2012. Chị đồng ý để anh D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hằng và cháu Huy do hiện nay chị đang đi làm không có thời gian trực tiếp chăm sóc hai cháu. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung do anh D không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

****Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Phan Văn D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Đinh Thị Kim H ngày 18/01/2009, hôn nhân do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng sống chung. Giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng vợ chồng đã sống ly thân được 7 năm. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Thanh H1, sinh ngày: 02/01/2011 và cháu Phan Tiến H2, sinh ngày 01/11/2012. Hiện nay hai cháu đều đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 cháu H1 và cháu H2. Anh D không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

****Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:***

- ***Về thủ tục tố tụng:*** Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- ***Về nội dung vụ án:*** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Thanh H1, sinh ngày: 02/01/2011 và cháu Phan Tiến H2, sinh ngày 01/11/2012.

Giao cháu Hằng và cháu Huy cho anh D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh chị đều xác định không có và không yêu cầu toà án giải quyết nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh D về việc thụ lý vụ án và tham gia phiên hòa giải nhưng anh D không đến Tòa để làm việc, vắng mặt không có lý do, mặc dù anh D vẫn sinh sống và làm việc tại địa phương.

Chị H có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, căn cứ quy định tại Khoản 1, 4 Điều 207 BLTTDS vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Chị H có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt; căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H kết hôn với anh D vào ngày 18/01/2009 việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống không hợp nhau, không có tiếng nói chung, hai bên bất đồng về quan điểm sống. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị ly hôn anh D. Anh D không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, trên thực tế, chị H và anh D không còn thực tế chung sống, trong cuộc sống không có sự quan tâm, bàn bạc với nhau. Anh chị đã sống ly thân đến nay là 7 năm. Trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã rất nhiều lần mời anh D lên làm việc nhưng anh D không đến Toà. Có thể thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị Kim H và anh Phan Văn D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị được ly hôn anh D là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là cháu Phan Thanh H1, sinh ngày: 02/01/2011 và cháu Phan Tiến H2, sinh ngày 01/11/2012.

Chị H và anh D đều có nguyện vọng chung là nếu ly hôn thì anh D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hằng và cháu Huy. Toà án đã tiến hành lấy lời khai của hai cháu, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với bố là anh Phan Văn D.

Xét thấy, hiện nay hai cháu đang ở cùng anh D, vì vậy nguyện vọng của hai anh chị là phù hợp. Do đó HĐXX thấy cần giao cháu Hằng và cháu Huy cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, tránh những thay đổi không có lợi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D do anh D không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị H và anh D đều xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Kim H được ly hôn anh Phan Văn D.

2. Về con chung:

Giao cháu Phan Thanh H1, sinh ngày: 02/01/2011 và cháu Phan Tiến H2, sinh ngày 01/11/2012 cho anh Phan Văn D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 5/2023 cho tới khi cháu Hăng, cháu Huy thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Kim H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2020/0006123 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TV (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Xuân Bộ